

Bản án số: 148/2020/DS-PT

Ngày 08 tháng 6 năm 2020

“V/v Đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 522/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 về “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 802/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lương Văn H, sinh năm 1972 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 03 Tripoli Road Fairfield West NSW 2165 Australia

Người đại diện hợp pháp của ông Lương Văn H: Ông Lương Hoàng D, sinh năm 1952; Địa chỉ: 112 Dương Quang Đông, Khóm 1, Phường 5, thành phố T, tỉnh T (Văn bản ủy quyền ngày 20/01/2017) – Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1976 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 26 Bạch Đằng, Khóm 6, Phường 4, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Bích T: Ông Nguyễn Tiên L, sinh năm 1956; Địa chỉ: 38 Phan Đình Phùng, Khóm 2, Phường 7, thành phố T, tỉnh T (Văn bản ủy quyền ngày 17/7/2019) – Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Thanh T¹, sinh năm 1975 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 26 Bạch Đằng, Khóm 6, Phường 4, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp cho ông Nguyễn Thanh T¹: Ông Nguyễn Tiên L, sinh năm 1956; Địa chỉ: 38 Phan Đình Phùng, Khóm 2, Phường 7, thành phố T, tỉnh T (Văn bản ủy quyền ngày 17/7/2019) – Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2016 và lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Lương Văn H và người đại diện trình bày: Năm 2006, ông Lương Văn H cho bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Thanh T¹ vay 3 lần với tổng số tiền 597.000.000

đồng (lần 1 ngày 15/6/2006 vay 335.000.000 đồng, lần 2 ngày 15/9/2006 vay 162.000.000 đồng và lần 3 ngày 26/9/2006 vay 100.000.000 đồng) không quy định thời hạn trả nợ, lãi suất 7%/tháng. Có làm biên nhận nợ. Năm 2008, ông T¹, bà T trả cho ông 40.000.000 đồng. Nay ông kiện đòi bà T và ông T¹ trả cho ông 557.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 14/11/2017 và lời khai tiếp theo, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T và người đại diện trình bày: Năm 2006 bà có vay của ông H 03 lần với tổng số tiền 557.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, hai bên có làm biên nhận nợ, Sau đó bà đã trả nợ xong nên không đồng ý khởi kiện của ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T¹ trình bày: Thông nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị Bích T.

Tại Quyết định số 11/2017/QĐST-DS ngày 20/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh T đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại Quyết định số 112/2017/QĐPT-DS ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Quyết định số 11/2017/QĐST-DS ngày 20/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh T và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh T tiếp tục giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DSST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 153, Điều 228, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử: Buộc bà Nguyễn Thị Bích T trả cho ông Lương Văn H 557.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi bảy triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/8/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Nguyễn Tiến L là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Bích T giữ kháng cáo yêu cầu bác đơn khởi kiện của ông H, vì đã đưa tiền cho cháu của ông H tên là T² trả nợ cho ông H xong nhưng không có lấy lại biên nhận nợ. Nay T² đã đi mất. Tại sao khi T² chưa đi thì ông H không kiện mà sau khi T² bỏ đi mất thì ông H mới kiện? Chứng tỏ bà T đã giao tiền cho T² trả xong rồi.

Kiểm sát viên có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt không rõ lý do nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc xét xử vẫn được tiến hành.

[2] Bà Nguyễn Thị Bích T thừa nhận năm 2006 bà có vay của ông Lương Văn H theo 3 biên nhận nợ tổng cộng 597.000.000 đồng, nhưng bà đã trả nợ cho ông H xong và khi trả nợ bà đưa tiền cho người cháu trai của ông H (không rõ họ tên – tên ngoài gọi là T²) nên bà không có lấy lại biên nhận nợ.

Ông Lương Văn H chỉ thừa nhận bà T trả cho ông 40.000.000 đồng, còn lại 557.000.000 đồng chưa trả.

[3] Việc bà T vay 597.000.000 đồng của ông H đã được bà T thừa nhận và ông H cũng đã xuất trình 3 biên nhận nợ chứng minh. Bà T cho rằng đã trả nợ cho ông H xong nhưng ông H chỉ thừa nhận bà T trả 40.000.000 đồng. Ngoài lời trình bày bằng lời nói của mình không được ông H thừa nhận, bà T không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà đã trả đủ số nợ cho ông H. Do vậy, Bản án sơ thẩm buộc bà T phải trả cho ông H 557.000.000 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bà T cũng không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh bà T đã trả nợ cho ông H xong, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[3] Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích T; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DSST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích T trả cho ông Lương Văn H 557.000.000 đồng (*Năm trăm năm mươi bảy triệu đồng*).

3. Bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0004936 ngày 19/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh T.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

